

1318-4-1

12207

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Aug 24

Group

Round 4

Board 1

WHITE Jamison Kao										FED	RESULT (W)
BLACK Sod Bilest / Vercanbold										FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	q e2	q g6	41	r c6	e4	61		
2	Nf3	d6	22	rd7	q e2	42	a b6	e3	62		
3	d4	cxd4	23	rad1	f5	43	l c2	l c4	63		
4	rxd4	nf6	24	na5	h8	44	b5	ra5	64		
5	nc3	a6	25	bf1	bcs	45	rb5	h5	65		
6	g3	e5	26	nb3	r bcs	46	rb5	h5	66		
7	nb3	be1	27	rxcs	rxcs	47	l c2	g5	67		
8	bg2	0-0	28	b4	rc3	48	a7	l ccs	68		
9	0-0	b5	29	q x e6	q x e6	49	l ccs	h4	69		
10	be3	nb4	30	b x a6	r x c6	50	o x h4	g x h4	70		
11	a4	b4	31	rd8	e7	51	l c f3	h3	71		
12	nd5	rxcs	32	rx f8	l c f8	52	l g3	ra3	72		
13	q x c5	rb8	33	rd8	l c e7	53	l c h2	h4	73		
14	q a5	b6	34	rxcs	rc7	54	b6	l ccs	74		
15	q x b4	g5	35	bf1	f4	55	rb8		75		
16	q a5	h4	36	rc3	rb2	56			76		
17	rfd1	q c8	37	rc4	xg3	57	1-0		77		
18	q d2	nf6	38	q a5	e2	58			78		
19	bcs	q f5	39	b x e2	rxcs	59			79		
20	b x f6	q x f6	40	a5	ra2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

B18-4-1

12207

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/1/24

Group 018

Round 4

Board 1

WHITE Kao, Jamison, Edrich										FED HKG	RESULT (W)
BLACK N. Sodbilegt										FED MGL	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	ae2	Qg6	41	Kc6	e4	61		
2	Nf3	d6	22	Rd7	Qe6	42	a6	e3	62		
3	d4	cd	23	Kad1	f5	43	Kf1	Kd7	63		
4	Nd4	nf6	24	NQ5	Qe6	44	b5	Ra5	64		
5	Nf3	a6	25	Bd1	bcs	45	Rb6	h5	65		
6	g3	e5	26	Nd3	Rb8	46	Kb7	Kd6	66		
7	Nb3	Be7	27	Nc4	Rc5	47	Kc2	g5	67		
8	Bg2	0-0	28	B4	Kc3	48	0-7	Kcs	68		
9	b5	Be2	29	Snd	Qd1	49	Ke3	L4	69		
10	Nb7	a4	30	Qa6	Kc2	50	qh	qh	70		
11	b4	Nf5	31	Kd8	e3	51	Kr2	h3	71		
12	N	Nf5	32	Rh8	Kf8	52	Kp3	h3	72		
13	h5	Rb8	33	Kd1	Ke7	53	Kh2	Kd4	73		
14	q a5	Bb7	34	Ra8	Rf2	54	h	Kb5	74		
15	Qb4	B5	35	Bf1	f4	55	Rb8		75		
16	Qa5	Qc	36	Kc8	Rb1	56	1-0		76		
17	Rd1	Qc8	37	Rc4	fg	57			77		
18	Qd2	Nf6	38	hg	e2	58			78		
19	Bq5	Qf5	39	Bc2	Kc2	59			79		
20	Bf6	Qf6	40	a5	Ra2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group 48
Round 4
Board 2

WHITE Cu Ivan Travis						FED PHI			RESULT(W) 1/2		
BLACK Hong Myungren						FED CHN			RESULT(B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Ba3	Nb5	41	Bc1	Rd1+	61		
2	g3	g6	22	Rc5	cd	42	Kf4	H6	62		
3	Bf2	Bf7	23	cd	Rf8	43	g5	Rd4+	63		
4	d4	Nf6	24	Rd1	e6	44	Ke2	Rf4	64		
5	00	00	25	Ra5	Nb5	45	g4+	Kf6	65		
6	c4	dc	26	Bc5	Rd7	46	Kf3	e5	66		
7	Nb3	c3	27	Rd3	Rf8	47	Kf2	Mb1	67		
8	bc	c5	28	Rb3	Rb3	48	Jf	Rd4+	68		
9	Re1	Nc6	29	Le6	Mb6	49	Kd1	Rb4	69		
10	Bb2	Qb6	30	b4	Rc7	50	Kf2	Rb2+	70		
11	Nc4	Qb5	31	Kf2	Kf7	51	Kf1	Rb1	71		
12	Qb3	Qa6	32	g4	Pe7	52	Kf2	Rb2+	72		
13	g4	Pe6	33	De4	g5	53	Ke1	Nd4	73		
14	Rf1	b5	34	De7	R7	54	fet	Ke6	74		
15	Qa3	Qa3	35	Rd7	Kf8	55			75		
16	Nb3	Bf4	36	Rd1	Rd7	56			76		
17	Bf2	Rab8	37	Bh7	Rd4	57			77		
18	h3	Rf3	38	b5	Kf7	58			78		
19	H2	b4	39	Kf3	Nd5	59			79		
20	Ba3	ba	40	De4	Nc3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-24-26

Group 48
Round 4
Board 2

WHITE Cu Ivan Travis						FED			RESULT(W) 1/2		
BLACK Hong Myungren						FED			RESULT(B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bf3	ds	21	Ra3	Nb5	41	Rc1	Rd3	61		
2	g3	g6	22	Rx15	Cx14	42	1c1	f6	62		
3	g2	g7	23	cx14	Rf18	43	g8	Rd4	63		
4	d4	Nf6	24	Rd1	e6	44	Kc3	Rb1	64		
5	0-0	0-0	25	Rc5	Nb5	45	Qxf6	1c1	65		
6	c4	Jxc4	26	Bc5	Rd7	46	1c3	00	66		
7	Na3	c3	27	Rd3	Rf8	47	Kf2	1x60	67		
8	bxc3	c5	28	Rb7	Rb3	48	pc1	Rb2	68		
9	Re1	Nc6	29	axb3	Nb6	49	1c1	Rb1	69		
10	Bb2	Qb6	30	b1	Rc7	50	1c2	Rb2	70		
11	Nc4	Qb5	31	1g2	1g7	51	1c1	Rd7	71		
12	Qb3	Qa6	32	G1	Rc7	52	1c2	Rb2	72		
13	e4	Rcb6	33	Rc1	G5	53	Ke1	Nd4	73		
14	Rf1	b5	34	Rd7	Rd7	54	Rd5	Rb2	74		
15	Qc3	Qa3	35	Rd5	1c8	55			75		
16	Nb3	Rg1	36	Rh5	Rf7	56	1/2	1/2	76		
17	g2	Rab8	37	Rd7	Rd4	57			77		
18	h3	Rb3	38	b5	b7	58			78		
19	RxP3	b1	39	Kf3	Nd5	59			79		
20	e5	bxa3	40	Rxc1	Nc3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

B18-4-3 12:30

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U18
Round
4
Board
3

WHITE Tran Ngoc Minh Duy						FED VIE		RESULT (W) 1/2			
BLACK Chan Wang IP Boris						FED HKG		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 ³⁰	c5 ³⁰	21	Rab1 ²	Rab8 ²⁵	41			61		
2	Nf3 ³¹	d6	22	Bf3 ⁰	Ne7 ¹⁴	42			62		
3	Bb5	Nc6	23	h4 ¹⁴	g4 ¹⁰	43			63		
4	0-0	Bd7	24	Kg1	Rg8 ⁸	44			64		
5	Re1 ³⁰	Nf6	25	Rb8 ¹⁷	Bb8	45			65		
6	c3 ²⁵	a6	26	Rg1	Rg6	46			66		
7	Bf1	Bg4	27	Bd1	h3 ⁹	47			67		
8	h3	Bf3 ²⁹	28	f4 ¹⁰	h5 ³	48			68		
9	Qf3	e6 ²⁸	29	g5 ⁵	Ng4	49			69		
10	Rd1 ¹²	d5 ²³	30	Rg4 ¹	h2 ⁹	50			70		
11	ed ¹⁰	Qd5 ⁹	31	f5		51			71		
12	Qd5 ⁷	ed ⁵⁹	32			52			72		
13	d4 ²	Bd6 ⁴⁵	33			53			73		
14	Be3 ⁵⁸	c4 ⁴¹	34			54			74		
15	b3 ⁵²	b5 ⁹	35			55			75		
16	a4 ⁵⁰	Kd7 ⁵⁰	36			56			76		
17	Nd2 ⁴⁴	h6 ⁵⁷	37			57			77		
18	g4 ⁴¹	Rh8 ²³	38			58			78		
19	bc ²⁹	bc	39			59			79		
20	Bg2 ²⁸	g5 ²⁴	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
M			B			P					

B18-4-3 12:30

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U18
Round
4
Board
3

WHITE Tran Ngoc Minh Duy						FED		RESULT (W) 1/2			
BLACK Chan Wang IP Boris						FED		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bb1	Rg8	41			61		
2	Nf3	d6	22	Rf7	Ne7	42			62		
3	Bb5	Nc6	23	h4	g4	43			63		
4	0-0	Bd7	24	Bh1	Rg8	44			64		
5	Re1	Nf6	25	Rb8	Bb8	45			65		
6	c3	a6	26	Rg1	Rg6	46			66		
7	Bf1	Bg4	27	Bd1	h3	47			67		
8	h3	Bf3	28	f4	h5	48			68		
9	Qf3	e6	29	g5	Ng4	49			69		
10	Rd1	d5	30	Rg4	h2	50			70		
11	ed	Qd5	31	f5		51			71		
12	Qd5	ed	32			52			72		
13	d4	Bd6	33			53			73		
14	Be3	c4	34			54			74		
15	b3	b5	35			55			75		
16	a4	Kd7	36			56			76		
17	Nd2	h6	37			57			77		
18	g4	Rh8	38			58			78		
19	bc	bc	39			59			79		
20	Bg2	g5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
M			B			P					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group 111
Round 4
Board 4

WHITE Yu, Zechen						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Zhang, Haoxuan (ZJ)						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd3	g6	41	Nb5	Nb4	61		
2	Nf3	d6	22	a4	Nc5	42	Nc7	e4	62		
3	N4	cd	23	Qc2	b5	43	Nd5	Bb3	63		
4	Nd4	Nf6	24	ab	ab	44	Ne3	f4	64		
5	Nc3	a6	25	Nf3	bc	45	Nf1	e3	65		
6	Bg5	Nd7	26	bc	Qb4	46	Kf3	Bd1	66		
7	Bc4	Qb6	27	e5	de	47			67		
8	Bf6	Nf6	28	f5	ef	48			68		
9	Bb7	e6	29	Nf5	Bg5	49			69		
10	Qd2	Nd7	30	h4	Rd2	50			70		
11	Nb4	Qc7	31	Ne7	kg7	51			71		
12	c4	Be7	32	Nc8	Be3	52			72		
13	O-O	O-O	33	Kh2	Rg2	53			73		
14	Rb1	b6	34	Qg2	Bg2	54			74		
15	Bc2	Bb7	35	Na2	Qd2	55			75		
16	Bb1	Rac8	36	Rc2	Bf1	56			76		
17	b3	Rfd8	37	Rd2	Bd2	57			77		
18	f4	Bf6	38	Ndb	f5	58			78		
19	Ne2	Qb8	39	kg1	Be2	59			79		
20	Nc3	Bc6	40	Kf3	Bd1	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24.8.2026

Group B18
Round 4
Board 4

WHITE Yu Zechen						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Zhang Haoxuan (ZJ)						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd3	g6	41	Nb5	Na4	61		
2	Nf3	d6	22	a4	Nc5	42	Nc7	e4	62		
3	d4	cd	23	Qc2	b5	43	Nd5	Bb3	63		
4	Nd4	Nf6	24	ab	ab	44	Ne3	f4	64		
5	Nc3	a6	25	Nf3	bc	45	Nf1	e3	65		
6	Bg5	Nbd7	26	bc	Qb4	46	Kf3	Bd1	66		
7	Bc4	Qb6	27	e5	de	47			67		
8	Bf6	Nf6	28	f5	ef	48			68		
9	Bb3	e6	29	Nf5	Bd5	49			69		
10	Qd2	Nd7	30	h4	Rd2	50			70		
11	Na4	Qc7	31	Ne7	Ks7	51			71		
12	c4	Be7	32	Nc8	Be3	52			72		
13	O-O	O-O	33	Kh2	Rs2	53			73		
14	Rac1	b6	34	Qg2	Bg2	54			74		
15	Bc2	Bb7	35	Na2	Qd2	55			75		
16	Bb1	Rac8	36	Rc2	Bf1	56			76		
17	b3	Rfd8	37	Rd2	Bd2	57			77		
18	f4	Bf6	38	Ndb	f5	58			78		
19	Ne2	Qb8	39	Kg1	Be2	59			79		
20	Nac4	Bub	40	Kf2	Bd1	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date August 24

Group B18
Round 4
Board 5

WHITE Narabai, Jomel						FED Phi		RESULT (W) 1/2			
BLACK Genivan Gonkewarun						FED MAS		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	g6	Qb7	41			61		
2	Nf3	g6	22	Nd5	Nf6	42			62		
3	Nc3	Bg7	23	Bc4	Rh5	43			63		
4	e4	d6	24	Bd5	Qd7	44			64		
5	d4	O-O	25	O-O	Ke7	45			65		
6	Be2	e5	26	Kd1	Rxc8	46			66		
7	d5	a5	27	Bc7	Kb5	47			67		
8	Be3	Nb7	28	Pe3	h5	48			68		
9	Nd2	Nc5	29	Kc7	Kc7	49			69		
10	a3	f6	30	Rd8	Kd3	50			70		
11	Kf4	a6	31	Bc4	Rb7	51			71		
12	Rxb4	Kd1	32	Kd5	Rb5	52			72		
13	Qd3	Bg4	33	Kd1	Rb7	53			73		
14	f3	Pe8	34	B1g	Rb5	54			74		
15	Qb7	Rb5	35	Kc4		55			75		
16	c5	Nh5	36			56			76		
17	g3	c6	37			57			77		
18	d4	dxc5	38			58			78		
19	Qb7	Bb7	39			59			79		
20	Kc6	Bb7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24.8.2026

Group C18 OPEN
Round 4
Board 5

WHITE Narabai, Jomel						FED		RESULT (W) 1/2			
BLACK Genivan Gonkewarun						FED MAS		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	g6	Qb7	41			61		
2	Nf3	g6	22	Nd5	Nf6	42			62		
3	Nc3	Bg7	23	Bc4	Rh5	43			63		
4	e4	d6	24	Bd5	Qd7	44			64		
5	d4	O-O	25	O-O	Ke7	45			65		
6	Be2	e5	26	Kc3	Rxc8	46			66		
7	d5	a5	27	Bc7	Kb5	47			67		
8	Be3	Nb7	28	Pe3	h5	48			68		
9	Nd2	Nc5	29	Kc7	Rc7	49			69		
10	a3	f6	30	Rd8	Kd3	50			70		
11	b4	a6	31	Bc4	Rb7	51			71		
12	Qd3	Nc6	32	Kd5	Rh5	52			72		
13	Qd3	Bg4	33	Bc4	Rh7	53			73		
14	f3	Bc8	34	Bd5	Rh5	54			74		
15	Qb7	Rh8	35	Rc4		55			75		
16	c5	Nh5	36			56			76		
17	h3	c6	37			57			77		
18	d4	dxc5	38			58			78		
19	Qd7	Bxh1	39			59			79		
20	Rh4	Bxh1	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

WHITE						FED				RESULT (W) 1/2	
BLACK Kim Yubin						FED				RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kc5	Pf3	21			41			61		
2	Kf6	Kc6	22			42			62		
3	Kxf7	Kxc5	23			43			63		
4	Kxe6	Pg4	24			44			64		
5	Kc5	Kc4	25			45			65		
6	h5	Pxh5	26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Smiley			SIGNATURE (BLACK) Hank			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

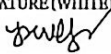


Date

Group

Round

Board

WHITE Phil Casiquian						FED PH1		RESULT (W) 1/2			
BLACK Kim Yubin						FED KOR		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nc3	Nf6	21	Nd1	Bxd1	41	Rxb3	Bxb3	61	Kc4	Bd5
2	e4	c5	22	exd4	b6	42	Bf8	g6	62	Kc5	Bd3
3	Nc3	Nc4	23	Nb3	Nxb3	43	tc4	Dd5	63	Dg5	Bd5
4	d4	cxd4	24	axb3	Rd1	44	g3	Dg2	64	tc5	Kc4
5	Nxd4	Qb6	25	Bb2	LS	45	h4	h5	65	Bc1	Bd3
6	Nc2	e6	26	Bc3	g5	46	b5	Bd5	66	Bd3	Bd7
7	h3	Bc6	27	cxb5	Dxb5	47	Kc5	Bc6	67	Kc5	Kd7
8	e3	O-O	28	Bxb6	Kf8	48	b6	Bd5	68	Kd6	Kd6
9	b3	Qd4	29	b6h3	Kc6	49	Bd3	Bd3	69	h4	Bc4
10	Nd4	Bd7	30	Bc5	Bc6	50	Kc6	Kc6	70	Bc5	Bb7
11	Bb2	d5	31	Rd1	Rd1	51	Bc1	Bd3	71	Kc5	Kd7
12	Bc2	dxd4	32	Rd1	Kd7	52	Bg2	Df6	72	Bd3	Bd6
13	Bxd4	Nd4	33	Rd1	Rd6	53	Kc5	Kd7	73	Rd4	Bb7
14	Qxd4	Rxd6	34	Rb2	Rc4	54	Kd4	Bd5	74	Kc5	Bd6
15	O-O	Nd1	35	Rc3	Rd7	55	Dc6	Kc6	75	Ag	Bxb3
16	Rd1	Nxd4	36	Kd2	Rd2	56	Bc5	Kd1	76	Kc6	Kc6
17	bxc4	Bd7	37	Rxd2	Rxd2	57	g4	h4	77	Kc5	Kd7
18	Bd3	Bd5	38	b4	Bd5	58	Kd4	Kd7	78	g5	Kc6
19	Rd1	Nd3	39	Kg3	Dd2	59	Kc5	Bd3	79	b7	Kd5
20	Nc5	Bc6	40	Rd3	Rd3	60	Dc2	Kd7	80	Kd6	gxf5
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U18
Round
4
Board
6

WHITE						FED			RESULT (W)		
BLACK						FED			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kes	BK	21			41			61		
2	Kic	Kel	22			42			62		
3	Kof	IGS	23			43			63		
4	Kxcl	Pgh	24			44			64		
5	Kes	ICr	25			45			65		
6	NS	BxR	26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wong			Wong			Wong					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U18
Round
4
Board
6

WHITE						FED			RESULT (W)		
BLACK						FED			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Mf3	Nf6	21	Nd4	Bxd4	41	Rx53	Bx33	61	Kf4	Bd4
2	C4	C5	22	Exd4	b6	42	Bf9	g6	62	Key	Bf3
3	NC3	NC6	23	Nb3	Nxb3	43	Kf4	Bd5	63	Bf4	Bd5
4	d4	Cx4	24	axb3	Rd1	44	f3	Bf2	64	Kf4	Ke3
5	Nxd4	Qb6	25	Bb2	b5	45	h4	h5	65	Bf1	Bf3
6	NC2	e6	26	BC3	a5	46	b5	Bd5	66	Be3	D67
7	h3	Bc5	27	Cxb5	Bxb5	47	Key	BC4	67	Kf4	Kd1
8	e3	O-O	28	Bxb5	Kf8	48	b6	Bd5	68	Kf4	Ke3
9	b3	Qd8	29	Bh4	Re8	49	Ba2	Bf3	69	f4	BC6
10	Na4	Be7	30	BC5	BC6	50	Kf4	Ke8	70	BC5	Bb7
11	Bb2	d5	31	Ra1	R7d8	51	BC1	Bd5	71	Key	Kd7
12	Be2	dxc4	32	Ra1	Kd7	52	Bf5	Bf3	72	Ba3	Ba3
13	Bxc4	Neg	33	Rd2	Ra6	53	Ke5	Kd7	73	Bb4	Bb7
14	Qx8	Rx8	34	Rb2	Rd8	54	Kf4	Bd7	74	BC4	Bd8
15	O-O	Nd2	35	RC3	Ra1	55	Bf6	KC6	75	d5	Ba7
16	Rf1	Nxe4	36	Kh2	R1a2	56	Be4	Kd7	76	Kf4	Ke8
17	bxc4	Bd7	37	Rxe2	Rxe2	57	g4	h5	77	Kf5	Kd7
18	Ba3	Bf6	38	b4	Bd5	58	Kxg4	Ken	78	f4	KC6
19	RC1	Na5	39	Kf3	Rb2	59	h5	Bf3	79	b7	Kf7
20	NC4	BC6	40	Rc7	Rb7	60	Bf6	Kd7	80	Rd6	g4
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wong			Wong			Wong					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round 4

Board

B18-07

WHITE 于哲						FED			RESULT (W) 0		
BLACK 刘江宏						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	b3	O-O	41	Rb7	Rc3	61		
2	Nf3	e6	22	Nb4	Nc5	42	Kd1	Kd7	62		
3	c3	Nf6	23	Bc4	Bb4	43	Rc1	Rc3	63		
4	Bd3	d5	24	Rd1	f5	44	Rc1	Kc3	64		
5	e5	Nd7	25	Rf3	e5	45	Kf2	Rc4	65		
6	Bc2	c4	26	c5	e4	46	Rg7	Rc2	66		
7	O-O	Nc6	27	Ph5	Bc1	47	Kd1	Rc2	67		
8	Rc1	Qc7	28	Bf7	Rd5	48	Rd2	Rg9	68		
9	Qe2	g5	29	Bc6	Kc7	49	Rc1	Bc1	69		
10	d4	cd	30	Bb5	Rd8	50	b4	C6	70		
11	Bd3	g4	31	Bc5	f4	51	Ae1	Kd6	71		
12	Nd4	Qc5	32	f3	Cf	52	Rc1	Bb5	72		
13	Nc6	Qc2	33	g5	Kc8	53	Rd1	De3	73		
14	Be2	K	34	Bg8	Rc8	54	Kh2	g1Q	74		
15	Bg4	Rc8	35	h4	h6	55	Rd1	Bg1	75		
16	Be2	Bd6	36	Rd2	hg1	56	Kg1	b3	76		
17	g4	g5	37	Rg2	Bc7	57	Kf2	b2	77		
18	c4	d4	38	hg1	Cf	58	Kc2	HQ	78		
19	Bf3	Bb7	39	Kf2	Rd5	59	Kd2	Qd2	79		
20	Nd2	Nc5	40	Kd2	Rd3	60	Kc1	Bf3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
于哲			Camei			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

68.24

Group

Round

Board

7

WHITE Yu Zhe						FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Lin Hongkun						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	b3	O-O-O	41	Ch7	Rf3	61		
2	Nf3	e6	22	Nc4	Nc4	42	Kg1	Kd7	62		
3	c3	Nf6	23	Bc4	Bd4	43	Re1	Re3	63		
4	Bd3	d5	24	Rd1	f5	44	Rf1	f3	64		
5	e5	Nd7	25	Bf3	e5	45	Kf2	Be4	65		
6	Bc2	c4	26	c5	e4	46	Rg2	Re2	66		
7	O-O	Nc6	27	Bh5	Bxc5	47	Ks1	ks2	67		
8	Re1	Qc7	28	Bf7	Rg8	48	Rg2	fg2	68		
9	Qe2	g5	29	Be6	Kc7	49	Re1	Bd5	69		
10	d4	cx d3	30	Bc5	Rde8	50	b4	cx b4	70		
11	Bxd3	g4	31	Bc4	f4	51	Re3	Kd6	71		
12	Nd4	Qxc5	32	f3	e f3	52	Re1	Bc5	72		
13	Nxc6	Qxc2	33	g f3	ks8	53	Rd1	Bc3	73		
14	Bxe2	bx c6	34	Bxc8	Rxc8	54	Kh2	g1=Q	74		
15	Bxc4	Rg8	35	h4	h6	55	Ks1	Bg1	75		
16	Be2	Bd6	36	Ka2	hg5	56	Kg1	b3	76		
17	g4	g5	37	Ks2	Be7	57	Kf2	b2	77		
18	c4	d4	38	hxg5	c5	58	Kc2	Bf=O	78		
19	Bf3	Bb7	39	Kf2	Rxc5	59	Kd2	Qb2	79		
20	Nd2	Nc5	40	Rh2	Rg3	60	Kc1	Bf3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
于哲			Camei			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group 1
Round 4
Board 8

WHITE Ren Yibai						FED		RESULT (W) 1			
BLACK Hunkhmanbol						FED		RESULT (B) 6			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	g5	21	f4	g8	41	Re7	Re7	61	h4	Nh6
2	Nf3	d6	22	Rh	Bh3	42	Rg1	Kh7	62	cp	
3	d4	cd	23	Rd1	Bb8	43	Re6	Re6	63		
4	Nd4	Nh6	24	Rg1	f5	44	Bg5	Nh7	64		
5	Nc3	ag	25	cf	Bf5	45	Bf5	Nh7	65		
6	Bb3	g5	26	Bb3	g4	46	Kc2	Kh7	66		
7	Nb3	Bb3	27	Re2	g2	47	Re1	Nh7	67		
8	f3	h5	28	Re1	f5	48	Bc4	g4	68		
9	Qd2	g1	29	Nd4	Re1	49	Rg1	Nh7	69		
10	000	00	30	Nh7	g1	50	Bd1	Nh7	70		
11	Kb1	b5	31	Re1	Nh7	51	Nd3	Kc3	71		
12	Nd5	Nh7	32	Bd1	Nh7	52	Rg1	Nh7	72		
13	Ne1	g1	33	g4	h4	53	Kc3	Kc2	73		
14	Qd6	Qd6	34	g4	h4	54	Rc5	Nb6	74		
15	Rd6	Rd6	35	Bb3	Rg1	55	Rh5	g5	75		
16	Re2	Nh7	36	ag	ag	56	Re1	Nh7	76		
17	Rd2	Re1	37	Rh7	Nh7	57	Rg5	Nh7	77		
18	g3	g6	38	Rd4	Rd4	58	Rg5	Nh7	78		
19	Rd4	Rd4	39	Rb6	g5	59	Kd4	Nh7	79		
20	g3	g1	40	Bd5	Rd4	60	Rg1	Nh7	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.6.25

Group
Round 4
Board 8

WHITE Ren, Yibai						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Hunkhmanbol						FED MGL			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	d4	f6	41	Re7	Re7	61		
2	Nf3	d6	22	Rd1	Bh3	42	Rg1	Kh7	62		
3	d4	cd	23	Rd1	Be6	43	Re6	Re6	63		
4	Nd4	Nh6	24	Rg1	f5	44	Re6	Nh4	64		
5	Nc3	a6	25	cf	bf5	45	Bf5	Kh6	65		
6	Be3	e5	26	Bd3	e4	46	Kf2	Kh5	66		
7	Nb3	Be6	27	Bc2	Nd f6	47	Re1	Bd4	67		
8	f3	h5	28	Re1	Kf7	48	Kg4	Rg1	68		
9	Qd2	Be7	29	Nd4	Re7	49	ah4	Bd5	69		
10	O-O-O	O-O	30	Nf5	g2	50	Nd5	Kh3	70		
11	Kb1	b5	31	Re1	Ng4	51	Rg5	Nc7	71		
12	Nd5	Nb6	32	Bg6	Nf6	52	Kc3	Kh2	72		
13	Re2	Qe7	33	a4	h4	53	Rc5	Ne6	73		
14	Qd6	Qd6	34	g4	Ng7	54	Rb5	Kg3	74		
15	Rd6	Rd6	35	Bb3	Kg6	55	Re5	Nc3	75		
16	Re2	Nh7	36	a6	g6	56	Rg5	Bg2	76		
17	Rd2	Re7	37	Rd6	Nh5	57	Nh5	Kd4	77		
18	g3	f6	38	Bd4	Rd2	58	Nf6	Nd7	78		
19	Rd4	Rd6	39	Rb6	e3	59	b4	Nh6	79		
20	c3	Rg7	40	Bc5	Re6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

B18-4-9 10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08

Group B18
Round 4
Board 9

WHITE Muhammad Muaz , Muzafar						FED ~~CHN~~ BRU		RESULT (W) lose 0			
BLACK Wang, Puxuan						FED ~~BRU~~ CHN		RESULT (B) win 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	C5	21	f3	fsxe4	41			61		
2	f3	g6	22	dxex4	d3	42			62		
3	C4	Nc6	23	Qb3	Bxa1	43			63		
4	g3	Bg2	24	Rxa1	Qd4	44			64		
5	Nc3	e6	25	Kh2	Qxa1	45			65		
6	Bg2	Ne7	26	Qxd3	Rd8	46			66		
7	O-O	O-O	27	Qc3	Qb2	47			67		
8	d3	d5	28	g4	Rd2	48			68		
9	a3	Nd4	29	Qg1	Qe5	49			69		
10	Be3	Nf3	30	Kh1	Rd8	50			70		
11	Qxf3	d4	31	Bf1	Qf4	51			71		
12	Bd2	dxex5	32	Bg2	Qg3	52			72		
13	Bxc5	e5	33	Qh2	Rd1	53			73		
14	b4	b6	34	Qg1	Rg1	54			74		
15	b5	Bb7	35	kg1	Kd1	55			75		
16	Rd1	Nf5	36			56			76		
17	Qe2	Nd4	37			57			77		
18	Qb2	Qd7	38			58			78		
19	h3	f5	39			59			79		
20	Bxd4	exxd4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nee			王浦璇								

B18-4-9 10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.8.24

Group B18
Round 4
Board 9

WHITE Muhammad Muoz, Muzafar						FED BRU		RESULT (W) 0			
BLACK Wang, Puxuan						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	f3	fxex4	41			61		
2	Nf3	g6	22	de4	d3	42			62		
3	c4	Nc6	23	Qb3	Ba1	43			63		
4	g3	Bg2	24	Ra1	Qd4	44			64		
5	Nc3	e6	25	Kh2	Qa1	45			65		
6	Bd2	Nge7	26	Qd3	Ka2	46			66		
7	O-O	O-O	27	Qe3	Qb2	47			67		
8	d3	d5	28	44	Rd2	48			68		
9	a3	Nd4	29	Qg1	Qe5	49			69		
10	Be3	Nf3	30	Kh1	Rd8	50			70		
11	Qxf3	d4	31	Bf1	Qf4	51			71		
12	Bd2	dc3	32	Bd2	Qg3	52			72		
13	Bxc3	e5	33	Qh2	Rd1	53			73		
14	b4	b6	34	Qd1	Rg1	54			74		
15	b5	Bb7	35	key1	Rd1	55			75		
16	Rsd1	Nf5	36			56			76		
17	Re2	Nd4	37			57			77		
18	Qb2	Rd7	38			58			78		
19	h3	f5	39			59			79		
20	Dd4	ed4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nee			王浦璇								

1318 - 4 - 10 11:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
C18
Round
4
Board
10

WHITE Pu Yu						FED TPG			RESULT (W) 1		
BLACK Cui Baiwen						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Rc7	Rxc7	41			61		
2	Nf3	d5	22	Bxc7	C4	42			62		
3	e3	Nf6	23	~~Kf1~~	Kf8	43			63		
4	Ng3	Be7	24	~~Kf1~~	~~Ba1~~	44			64		
5	b3	O-O	25	~~Kf1~~	~~Ba1~~	45			65		
6	Bb2	c5	26	~~Kf1~~	~~Ba1~~	46			66		
7	Qd1	Nxg5	27	~~Kf1~~	~~Ba1~~	47			67		
8	Be2	Nc6	28	~~Kf1~~	~~Ba1~~	48			68		
9	O-O	h6	29	~~Kf1~~	~~Ba1~~	49			69		
10	Nxd5	Qxd5	30	~~Kf1~~	~~Ba1~~	50			70		
11	~~Qxd5~~	Bf6	31	Bh4	Nc6	51			71		
12	Ne5	Bb7	32	Bf8	Na5	52			72		
13	Bf3	Qd6	33	Bxb7	Kxb7	53			73		
14	dxc	Qxc	34	Kd4	Kc6	54			74		
15	Qax8	Bxe5	35	Kc5	Nd5	55			75		
16	Bxe5	Qxd8	36	Q3	Nd7	56			76		
17	Bc7	Qxd1	37	Kc6	Nxf8	57			77		
18	Qxd1	Qxc	38	Ke7	Kc6	58			78		
19	Qd7	Qc8	39	Kxf8	f5	59			79		
20	Bd6	Ba8	40	Ke7		60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pu Yu			SIGNATURE (BLACK) Cui Baiwen			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

1318 - 4 - 10 11:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
18
Round
4
Board

WHITE Pu Yu						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Tian Hui						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Rc7	Rc7	41			61		
2	Nf3	d5	22	Bc7	C4	42			62		
3	e3	Nf6	23	bc	Kf8	43			63		
4	Ng3	Be7	24	Kf1	Ke8	44			64		
5	b3	O-O	25	Bd6	Kd7	45			65		
6	Bb2	c5	26	Bf8	g6	46			66		
7	Qd1	Nd5	27	Bc7	ab	47			67		
8	Be2	Nc6	28	Ke1	Bb7	48			68		
9	O-O	b6	29	Kd2	Kc7	49			69		
10	Nd7	Qd8	30	Ke3	Na7	50			70		
11	d4	Bf6	31	Bb4	Nc6	51			71		
12	Ne5	Bb7	32	Bf8	Na5	52			72		
13	Bf3	Qd6	33	Bb7	Kb7	53			73		
14	dxc	Qd8	34	g6	Nf6	54			74		
15	Ra8	Be7	35	Kc5	Ne7	55			75		
16	Be7	Rd1	36	f3	Nd7	56			76		
17	Bc7	Rd1	37	Kab	Nf8	57			77		
18	Rd1	bc	38	Ke7	Ke6	58			78		
19	Rc7	Kc8	39	Kf8	ft	59			79		
20	Bd6	Ba8	40	Ke7		60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pu Yu			SIGNATURE (BLACK) Tian Hui			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group U-18
Round 4
Board 11

WHITE wee yk boy lucas John						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Khairul						FED INA			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	dxc4	bxc4	41	Qd1	Qf2	61		
2	d4	d5	22	g4	Nxg4	42	b4	Qxh3	62		
3	exd5	Cxd5	23	Rg3	Nh4	43	C4	Qc2	63		
4	Bd3	Mf4	24	Rh3	Nhg4	44	Qe1	b2	64		
5	C3	pom	25	Rg2	Qb4	45	a4	b1=a	65		
6	Qd3	Qd7	26	h3	Wh4	46	Cg5	Qd1	66		
7	Bt4	Kc4	27	Qd2	Qd6	47			67		
8	Nh2	e6	28	Re3	Rd7	48			68		
9	Ngf3	bdf	29	Qh2	Rab7	49			69		
10	Rxe4	Qd4	30	Re2	Kf7	50			70		
11	O-O	O-O	31	Rff2	Ng0	51			71		
12	Rd1	g6	32	Rg2	Nf6	52			72		
13	Kc5	b5	33	Rc2	Nh5	53			73		
14	f4	Bf5	34	Rd2	F6	54			74		
15	g3	Ng5	35	Nxg4	hxg6	55			75		
16	Qd2	g6	36	Rxh4	Rg7	56			76		
17	Bxf5	Cxf5	37	Qg1	Rhb7	57			77		
18	Re3	Nc4	38	Rf2	Qf4	58			78		
19	Rh3	a5	39	Rxg2	Rxg2	59			79		
20	Kh1	Rfb5	40	Rc2	h3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24 August 2026

Group U18
Boys
Round 4
Board 11

WHITE Lucas John wee (186)						FED SGP			RESULT (W) 6		
BLACK Azzamun Khalid Shafuan (1890)						FED INA			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 g0	c6 g0	21	Nxc4 35	bxc4 51	41	Qa1 3	Qf2 3	61		
2	d4 91	d5 91	22	g4 35	Nxg4 47	42	b4 1	Cxb3 3	62		
3	exd5 91	Cxd5 91	23	Rg3 34	Nh6 34	43	c4 2	Qc2 4	63		
4	Bd3 92	Nf6 91	24	Rh3 33	Ng4 37	44	Qe1 1	b2 4	64		
5	c3 92	Bg4 91	25	Rg3 30	Qd5 16	45	a4 2	d1=Q 4	65		
6	Qb3 92	Qd7 91	26	h3 20	Nh6 15	46	c5 2	Qxe1=Q 5	66		
7	Bf4 91	Nc6 91	27	Qg2 19	Qd6 10	47			67		
8	Nd2 11	e6 91	28	Re3 17	Ra7 8	48			68		
9	Ngf3 92	Bd6 86	29	Qh2 14	Rab7 8	49			69		
10	Bxd6 92	Qxd6 87	30	Re2 13	Kf8 7	50			70		
11	O-O 91	O-O 86	31	Rff2 12	Ng8 6	51			71		
12	Rd1 91	g6 81	32	Rg2 27	Nf6 4	52			72		
13	Ne5 90	b5 78	33	Re2 4	Nh5 3	53			73		
14	f4 87	Bf5 76	34	Rcf2 3	f6 3	54			74		
15	a3 80	Na5 71	35	Nxg6 3	hxg6 3	55			75		
16	Qd2 73	g6 69	36	Rxg6 3	Rg7 3	56			76		
17	Bxf5 70	exf5 69	37	Qg1 3	Rb7 3	57			77		
18	Re3 66	Nc4 66	38	Rf2 3	Qxf4 3	58			78		
19	Rh3 65	a5 63	39	Rg7 2	Rxg7 3	59			79		
20	Kh1 50	Rfb6 52	40	Rxg7 2	Nxg7 3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					